TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **226**/2023/DS-ST
Ngày: 27/6/2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bành Kim Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Trung Kiên

2. Ông Nguyễn Minh Tuân

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Quế Chi – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình – Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Trúc – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2023 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 259/2016/TLST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2016 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 228/2023/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nhan Kim T, sinh năm: 1946; Địa chỉ: F Đường số B, Khu phố B, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phùng Thị Ngọc H, sinh năm 1977; Địa chỉ: E N, Phường G, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh – Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 24/6/2016 chứng nhận tại Văn phòng C). (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn S, sinh năm: 1979; Địa chỉ thường trú: G C, Phường D, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Hiện chấp hành án tại Trại giam T1, tỉnh Bình Thuận (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1979; Địa chỉ: G C, Phường D, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có đơn xin vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Đức B, sinh năm 1980; Địa chỉ: C N, Phường I, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

3. Bà Trần Thị Ngọc A, sinh năm 1951; Địa chỉ: F Đường số B, Khu phố B, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 6 năm 2016 của ông Nhan Kim T và trong quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn trình bày:

Theo giấy viết tay đề ngày 18/01/2016 thể hiện ông Nhan Kim T có cho ông Trần Văn S, chứng minh quân đội số 70A.04.1170138 cấp ngày 01/01/2015 tại Bộ T2 và ông Nguyễn Đức B, chứng minh nhân dân số 311653530 cấp ngày 03/03/2008 tại Công an T3 vay số tiền 4.100.000.000 đồng; hẹn ngày 28/02/2016 sẽ hoàn trả cho ông T. Giấy vay tiền đề ngày 18/01/2016 có chữ ký của ông S và ông B. Nhưng thực ra, ông T chỉ cho một mình ông Trần Văn S vay số tiền 4.100.000.000 đồng, do chỉ ông T quen biết với ông B (là người lúc đó đang làm việc tại Ngân hàng E Chi nhánh T4) nên ông T có yêu cầu ông B cùng ký tên vào giấy vay nợ thì ông T mới cho ông S vay.

Ngày 25/02/2016, còn 03 ngày nữa mới đến ngày phải trả cho ông T số tiền trên nhưng ông S đã gởi cho ông T giấy xác nhận có vay của ông T số tiền 4.100.000.000 đồng và hẹn trả theo tiến độ như sau:

- Tháng 4 (30/4/2016) trả 500.000.000 đồng.
- Tháng 5 (30/5/2016) trả 700.000.000 đồng.
- Tháng 6 (30/6/2016) trả 700.000.000 đồng.
- Tháng 7 (30/7/2016) trả 700.000.000 đồng.
- Tháng 8 (30/8/2016) trả 700.000.000 đồng.
- Tháng 8 (30/9/2016) trả 700.000.000 đồng.
- Tháng 10 (30/10/2016) trả 100.000.000 đồng.

Tuy nhiên ông S không trả tiền vay, vi phạm nghĩa vụ đã cam kết. Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn S phải trả cho ông số tiền 4.100.000.000 đồng một lần ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật, ông T không yêu cầu trả tiền lãi đối với khoản vay.

Tiền cho vay là tiền chung của vợ chồng ông T, vợ ông T tên là Trần Thị Ngọc A. Khi cho ông S vay, ông chỉ biết ông S, không biết vợ ông S và cũng không có yêu cầu vợ của ông S có trách nhiệm cùng trả.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập cho ông Trần Văn S, nhưng ông S không lên Tòa và cũng không có bất cứ ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Theo bản tự khai ngày 26/6/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị P trình bày: Bà không biết việc ông T cho ông S vay số tiền 4.100.000.000 đồng, bà không biết gì và ông S cũng không đưa tiền cho bà, không sử dụng cho gia đình nên đây là việc riêng của ông S, bà không liên quan. Do đó, bà không có trách nhiệm và nghĩa vụ đối với khoản nợ này. Đồng thời bà P có yêu cầu được vắng mặt trong phiên tòa xét xử vụ án trên cho đến khi kết thúc vụ án.

Trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Đức B trình bày: Ông là nhân viên làm việc tại Ngân hàng TMCP X - Chi nhánh T4. Ông Trần Văn S là khách hàng của E, biết ông S cần tiền gấp để đáo hạn khoản vay, ông có giới thiệu ông S vay số tiền 4.100.000.000 đồng của ông Nhan Kim T, ông S đã nhận đủ tiền và hứa trả ông T trong vòng 1 tháng.

Theo giấy nợ ngày 18/01/2016 có ghi nội dung ông và ông S có mượn ông T số tiền 4.100.000.000 đồng, ông ký tên vào giấy vay là để bảo lãnh bằng uy tín, để tạo sự tin tưởng cho ông T, giúp ông S vay được tiền. Thực tế ông S trực tiếp vay, nhận tiền và có trách nhiệm trả khoản vay này cho ông T. Bằng chứng là việc khi gần đến ngày hẹn trả ông S đã tự viết giấy xác nhận nợ ông T 4.100.000.000 đồng và cam kết thời hạn thanh toán trả nợ, ông không có liên quan.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị Ngọc A trình bày: Bà xác nhận số tiền ông T cho ông S vay là tiền chung vợ chồng, bà thống nhất với yêu cầu của ông T, yêu cầu ông S trả cho ông T số tiền đã vay 4.100.000.000 đồng ngay khi án có hiệu lực.

Tại phiên tòa,

Bà Phùng Thị Ngọc H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Trần Văn S phải trả cho ông N Kim Tâm số tiền 4.100.000.000 đồng, yêu cầu trả ngay một lần khi Bản án có hiệu lực pháp luật. Ông T không yêu cầu trả lãi.

Bị đơn Trần Văn S trình bày:

Ông tự xác nhận việc vay giữa ông và ông T là 1 mình cá nhân ông vay, không liên quan ông B, ông có vay số tiền 4.100.000.000 đồng và chịu trách nhiệm cá nhân trong việc thanh toán số tiền trên. Khi vay ông không nghĩ sẽ không trả được nợ, tuy nhiên do trong việc kinh doanh ông có vi phạm pháp luật nên ông bị mất tự do, nếu ông T thống nhất được thì bằng cách này hay cách khác ông sẽ trả nợ. Khả năng trả nợ của ông là có, ông còn nguồn đầu tư kinh doanh bất động sản. Phương án đề nghị nguyên đơn thông cảm cho điều kiện của ông đang chấp hành án phạt tù nên cho ông trả bắt đầu từ tháng 6 năm 2026, trả dần theo lộ trình mỗi tháng trả 50.000.000 đồng, sang năm sau thì trả mỗi tháng 100.000.000 đồng và không được tính lãi. Đồng thời giảm số tiền nợ phải trả còn 3.000.000.000 đồng.

Tuy nhiên, tại phần tranh luận ông S thay đổi ý kiến trình bày: Ông chốt lại số tiền vay 4.100.000.000 đồng là của ông và ông B cùng vay. Ông vay 2.050.000.000 đồng và đã nhận đúng số tiền này. Đồng thời, ông S trình bày có trả lãi số tiền trên với lãi suất 5%/tháng và đã trả rất nhiều lần số tiền khoảng 800.000.000 đồng, khi trả không có giấy tờ giao nhận. Khoản nợ này là nợ chung của ông Nguyễn Đức B và ông, ông chỉ có trách nhiệm 2.050.000.000 đồng, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức B trình bày:

Ông B xác nhận chỉ giới thiệu cho ông S vay tiền của ông T chứ bản thân ông B không vay, không nhận tiền vay. Việc ông B ký tên vào Giấy vay tiền với tư cách là người bảo lãnh bằng uy tín cá nhân do ông tin tưởng ông S sẽ trả cho ông T

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Các đương sự tham gia phiên tòa chấp hành đúng quy định về quyền, nghĩa vụ của đương sự của Bộ luật Tố tụng dân sự

- Về nội dung: Có cơ sở xác định ông Trần Văn S và ông Nguyễn Đức B thực tế cùng ký nhận vay của ông Nhan Kim T số tiền 4.100.000.000 đồng đến nay chưa trả. Nhận thấy, đây là khoản nợ chung của ông Trần Văn S và ông Nguyễn Đức B đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày và tranh luận của các bên đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn ông Nhan Kim T khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn ông Trần Văn S. Theo kết quả xác minh của Công an P1, quận T và nội dung Công văn số 1139/TGTĐ(Đ3) ngày 10/3/2022 của Trại giam T1, tỉnh Bình Thuận thì ông Trần Văn S, sinh năm 1979, địa chỉ thường trú G C, Phường D, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, hiện đang chấp hành án tại Trại giam T1, tỉnh Bình Thuận. Do đó, Tòa án nhân dân quận Tân Bình thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền của theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị P, bà Trần Thị Ngọc A có đơn xin vắng mặt khi xét xử. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về pháp luật nội dung:

Căn cứ nội dung bản photo giấy viết tay đề ngày 18/01/2016 có thể hiện nội dung: ông Nguyễn Đức B và ông Trần Văn S xác nhận ngày 18/01/2016, B và S có mượn chú Tâm số tiền 4.100.000.000 đồng, hẹn ngày 28/02/2016 trả, giấy có chữ ký của ông B và ông S.

Căn cứ giấy viết tay đề ngày 25/02/2016 có đối chiếu bản chính do nguyên đơn xuất trình thể hiện nội dung: cháu tên Trần Văn S có vay của chú Tâm số tiền 4.100.000.000 đồng hẹn trả chú Tâm theo tiến độ và cam kết thực hiện đúng lịch trả nợ, giấy này chỉ có ông S viết và ký tên.

Nhận thấy, số tiền được nêu trên hai giấy viết tay đề ngày 18/01/2016 và ngày 25/02/2016 đều thể hiện số tiền vay là 4.100.000.000 đồng, người cho vay

là ông Nhan Kim T; giấy viết tay đề ngày 25/02/2016 có nội dung xác nhận lại số nợ với tư cách cá nhân cháu Trần Văn S có vay của chú Tâm 4.100.000.000 đồng.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện ông T và ông B đều xác nhận số tiền 4.100.000.000 đồng là ông S vay của ông T; ông B là người giới thiệu làm trung gian cho ông S vay tiền ông T, ông B ký tên trên giấy vay để tạo niềm tin ông T cho ông S vay; nội dung này cũng được ông S thừa nhận khi bắt đầu phần tranh tụng tại phiên tòa, ngay sau khi được tiếp cận hai giấy viết tay đề ngày 18/01/2016 và ngày 25/02/2016, ông S xác nhận cụ thể như sau: việc vay giữa tôi và ông Nhan Kim T chỉ có mình tôi vay, không liên quan đến ông B; đồng thời ông S thừa nhận có nợ 4.100.000.000 đồng và đề nghị ông T chia sẻ hoàn cảnh ông đang chấp hành án tù, tạo điều kiện thống nhất để ông được thanh toán theo lộ trình bằng việc giảm số tiền nợ và trả dần bắt đầu từ tháng 6/2026. Sự thống nhất của các đương sự phù hợp với chứng cứ trong hồ sơ, giấy viết tay ngày 18/01/2016 không còn bản chính, giấy viết tay ngày 25/02/2016 phía nguyên đơn đang giữ bản chính và xuất trình cho tòa án. Như vậy có đủ cơ sở để xác định ông S có vay của ông T số tiền 4.100.000.000 đồng và đến nay chưa trả.

Theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 755/2016/QĐST-HNGĐ ngày 18/7/2016 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình công nhận thuận tình ly hôn giữa ông S và bà P. Khoản vay của ông S xác lập 18/01/2016 trong thời kỳ hôn nhân với bà P, tại phiên tòa ông T và ông S đều xác nhận khoản vay này không liên quan đến bà P và ông T chỉ khởi kiện yêu cầu đối với cá nhân ông S trả nợ. Căn cứ phạm vi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và lời khai của ông S bà P, Hội đồng xét xử xác định trách nhiệm cá nhân của ông S đối với khoản vay này.

Ông T và vợ là bà Ngọc A đều thống nhất xác định số tiền cho vay 4.100.000.000 đồng là tài sản chung của vợ chồng, bà Ngọc A yêu cầu tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T buộc ông S trả ngay số tiền 4.100.000.000 đồng cho ông T.

Đối với ý kiến trình bày của ông S tại phần tranh luận, ông S thay đổi ý kiến cho rằng ông S và ông B cùng vay số tiền 4.100.000.000 đồng và ông S chỉ vay 2.050.000.000 đồng, đồng thời có trả ông T nhiều lần khoảng 800.000.000 đồng nhưng không có tài liệu chứng cứ gì. Hội đồng xét xử nhận thấy lời trình bày này của ông S là không có cơ sở bởi ngay khi được biết về khoản vay 4.100.000.000 đồng tại 02 giấy viết tay ông S đã khẳng định nhiều lần trách nhiệm cá nhân của ông đối với khoản vay này và không liên quan ông B, điều này hoàn toàn phù hợp với lời khai của các đương sự và tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án.

Do đó, ông Nhan Kim T yêu cầu cá nhân ông Trần Văn S phải có trách nhiệm trả ông số tiền 4.100.000.000 đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về thời hạn trả: khoản vay được xác lập từ năm 2016 đến nay ông S chưa trả, ảnh hưởng quyền lợi của ông T do đó yêu cầu trả một lần số tiền ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp.

Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Từ những phân tích trên ý kiến của Viện kiểm sát là không rõ và không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận

Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, ông Trần Văn S có trách nhiệm trả số tiền 4.100.000.000 đồng cho ông Nhan Kim T nên phải chịu án phí là 112.100.000 đồng.

H1 lại tạm ứng án phí cho ông T.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 463 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự,

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn ông Nhan Kim T.

Buộc ông Trần Văn S có trách nhiệm trả cho là ông Nhan Kim T số tiền 4.100.000.000 (Bốn tỷ một trăm triệu) đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 112.100.000 (Một trăm mười hai triệu một trăm ngàn) đồng do ông Trần Văn S phải chịu.

H1 lại cho ông Nhan Kim Tâm số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.050.000 (Năm mươi sáu triệu không trăm năm mươi ngàn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010805 ngày 07/7/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP . HCM;
- VKSND Q.Tân Bình;
- Chi cục THADS Q.Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bành Kim Phượng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN CHỦ TỌA**

Bành Kim Phượng